

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG HÀ NỘI

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Mã chứng khoán: BMJ

Địa chỉ: Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Điện thoại liên hệ: 0274.3688.126

Fax: 0274.3688.125

Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Long Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Loại thông tin công bố:  24 giờ  theo yêu cầu  định kỳ  bất thường

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP công bố thông tin Báo cáo thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/9/2021 tại đường dẫn: [www.becamexbmj.com.vn/#enter/f/enter](http://www.becamexbmj.com.vn/#enter/f/enter).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CTY CP KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN BẢO LONG**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN

MIỀN ĐÔNG AHP

Số: 04/2021/CV-AHP

V/v: "Báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn thu  
được từ đợt chào bán"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

☸★☸

Bình Dương, ngày 28 tháng 9 năm 2021

## BÁO CÁO THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC

### TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 325/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán  
Nhà nước cấp ngày 28/12/2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

#### I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại: 0274.3688.126 Fax: 0274.3688.125 Website: becamexbmj.com.vn
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)
- Mã cổ phiếu: BMJ
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bình Dương Số hiệu tài khoản: 65010000248792
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2008, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 4 năm 2021  
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chính) - Mã ngành: 0810  
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Khai thác đá, chế biến sử dụng làm vật liệu xây dựng.
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có

#### II. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 24.000.000 cổ phiếu
- Tổng số tiền đã huy động: 240.000.000.000 (Hai trăm bốn mươi tỷ) đồng, trong đó số tiền huy động cho dự án: 240.000.000.000 (Hai trăm bốn mươi tỷ) đồng.



6. Ngày kết thúc đợt chào bán: 25/02/2021

### III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

#### 1. Phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán:

Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty đã được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/2020/NQ-HĐQT ngày 28/10/2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/2020/NQ-HĐQT ngày 02/11/2020 và được công bố trong Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty như sau:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt tăng vốn là 240.000.000.00 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng) sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư cho Dự án đầu tư mở rộng công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Hạng mục	Giá trị	VAT	Tổng
1	Chi phí xây dựng	14.928.000.000	1.342.800.000	16.270.800.000
2	Chi phí thiết bị	184.520.000.000	18.452.000.000	202.972.000.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí liên quan đến thẩm định thiết kế	8.362.640.063	776.203.406	9.138.843.469
4	Chi phí vốn lưu động ban đầu cho sản xuất – chi phí tiền lương	11.618.356.531		11.618.356.531
<b>Tổng</b>		<b>219.428.996.594</b>	<b>20.571.003.406</b>	<b>240.000.000.000</b>

Trong đó:

#### a) Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/ĐVT)	Tổng giá trị (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	Khu vực công trình mỏ đã đầu tư	HT	1	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000
2	Di dời mặt bằng sản công nghiệp năm thứ 1	m <sup>2</sup>	1280	1.000.000	1.280.000.000	128.000.000	1.408.000.000
3	Trạm cân 60 tấn	trạm	1	150.000.000	150.000.000	15.000.000	165.000.000
4	Trạm biến áp 3000kVA	trạm	1	450.000.000	450.000.000	45.000.000	495.000.000
5	Trạm biến áp 2000kVA	trạm	1	350.000.000	350.000.000	35.000.000	385.000.000
6	Trạm biến áp 250kVA	trạm	1	200.000.000	200.000.000	20.000.000	220.000.000
7	Hệ thống cung cấp điện	HT	1	60.000.000	60.000.000	6.000.000	66.000.000
8	Hệ thống cung cấp nước sạch	HT	1	60.000.000	60.000.000	6.000.000	66.000.000
9	Đắp đường dẫn mặt bằng khu cấp liệu	m <sup>3</sup>	3.600	30.000	108.000.000	10.800.000	118.800.000
10	Đắp mặt bằng khu cấp liệu	m <sup>3</sup>	21.000	15.000	315.000.000	31.500.000	346.500.000
11	Xây kè bảo vệ	m <sup>3</sup>	40.000	15.000	600.000.000	60.000.000	660.000.000
12	Đê bao	m <sup>3</sup>	33.500	30.000	1.005.000.000	100.500.000	1.105.500.000
13	Hồ thu nước	m <sup>3</sup>	120.000	10.000	1.200.000.000	120.000.000	1.320.000.000
14	Xây dựng hệ thống công trình bảo vệ và phục hồi môi trường	HT	1	250.000.000	250.000.000	25.000.000	275.000.000
15	Chi phí xây dựng bờ kè, móng máy 2 dây chuyền nghiền đá 600t/h + dự phòng	HT	1	7.400.000.000	7.400.000.000	740.000.000	8.140.000.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>14.928.000.000</b>	<b>1.342.800.000</b>	<b>16.270.800.000</b>



b) Chi phí máy móc thiết bị:

STT	Thiết bị	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng/ ĐVT)	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế VAT (đồng)
1	Máy khoan Hitachi OSP 75 Dali + giàn khoan + ống	cái	8	300.000.000	2.400.000.000	240.000.000	2.640.000.000
2	Búa khoan tay	cái	8	20.000.000	160.000.000	16.000.000	176.000.000
3	Máy xúc bánh lốp	cái	6	2.000.000.000	12.000.000.000	1.200.000.000	13.200.000.000
4	Búa đập	cái	2	4.500.000.000	9.000.000.000	900.000.000	9.900.000.000
5	Xe cuốc đá nguyên liệu	cái	4	4.000.000.000	16.000.000.000	1.600.000.000	17.600.000.000
6	Máy ủi	cái	1	1.100.000.000	1.100.000.000	110.000.000	1.210.000.000
7	Ô tô vận tải	cái	15	2.000.000.000	30.000.000.000	3.000.000.000	33.000.000.000
8	Trạm biến áp 3000kVA	trạm	1	2.500.000.000	2.500.000.000	250.000.000	2.750.000.000
9	Trạm biến áp 2000kVA	trạm	1	2.000.000.000	2.000.000.000	200.000.000	2.200.000.000
10	Trạm biến áp 250kVA	trạm	1	500.000.000	500.000.000	50.000.000	550.000.000
11	Trạm nghiền sàng 600 tấn/h	trạm	2	52.000.000.000	104.000.000.000	10.400.000.000	114.400.000.000
12	Máy bơm nước 250 m <sup>3</sup> /h	cái	2	120.000.000	240.000.000	24.000.000	264.000.000
13	Trạm cân	trạm	1	500.000.000	500.000.000	50.000.000	550.000.000
14	Xe bồn tưới nước	cái	1	600.000.000	600.000.000	60.000.000	660.000.000
15	Xe cầu 25t	chiếc	1	2.000.000.000	2.000.000.000	200.000.000	2.200.000.000
16	Xe ô tô thùng 4 tấn	cái	1	800.000.000	800.000.000	80.000.000	880.000.000
17	Hệ thống cung cấp điện	HT	1	90.000.000	90.000.000	9.000.000	99.000.000
18	Hệ thống cung cấp nước sạch	HT	1	80.000.000	80.000.000	8.000.000	88.000.000
19	Bộ dụng cụ sửa chữa + thiết bị khác	Bộ	1	400.000.000	400.000.000	40.000.000	440.000.000
20	Các thiết bị khác	bộ	1	150.000.000	150.000.000	15.000.000	165.000.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>184.520.000.000</b>	<b>18.452.000.000</b>	<b>202.972.000.000</b>

c) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí liên quan đến thẩm định thiết kế cụ thể như sau:

STT	Mục chi phí	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	Chi phí quản lý dự án	0		0
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	6.549.968.800	654.996.880	7.204.965.680
2.1	Chi phí tư vấn thăm dò, lập các thủ tục xin Giấy phép khai thác khoáng sản	3.600.000.000	360.000.000	3.960.000.000
2.2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	414.998.400	41.499.840	456.498.240
2.3	Chi phí thăm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án	339.061.600	33.906.160	372.967.760
2.4	Chi phí thăm tra thiết kế xây dựng	432.912.000	43.291.200	476.203.200
2.5	Chi phí thăm tra dự toán công trình	417.984.000	41.798.400	459.782.400
2.6	Chi phí hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng	821.040.000	82.104.000	903.144.000
2.7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	523.972.800	52.397.280	576.370.080
3	Lệ phí thẩm định theo Thông tư 209/2016/TT-BTC	110.605.994	5.000.000	115.605.994
3.1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	41.199.594		41.199.594
3.2	Lệ phí thẩm định thiết kế KT	10.449.600		10.449.600
3.3	Lệ phí thẩm định dự toán	8.956.800		8.956.800
3.4	Chi phí thẩm định KQ chọn thầu	50.000.000	5.000.000	55.000.000
4	Chi phí kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư theo TT 09/2016/TT-BTC	1.162.065.269	116.206.527	1.278.271.796
4.1	Chi phí kiểm toán	741.480.125	74.148.013	815.628.138
4.2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	420.585.143	42.058.514	462.643.658
5	Chi phí khác	540.000.000	0	540.000.000
5.1	Chi phí cấp giấy phép khai thác điều chỉnh	40.000.000		40.000.000
5.2	Chi phí hành chính khác	500.000.000		500.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.362.640.063</b>	<b>776.203.407</b>	<b>9.138.843.469</b>

2. Phương án thay đổi:

Đơn vị tính: đồng

STT	Hạng mục	Giá trị	VAT	Tổng
I	Đầu tư cho Dự án đầu tư mở rộng công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Trong đó: (*)	26.490.355.891	2.639.535.589	29.129.891.480
1	Chi phí xây dựng	1.057.780.000	105.778.000	1.163.558.000
2	Chi phí thiết bị	25.432.575.891	2.533.757.589	27.966.333.480
II	Mua lại phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng/Cổ phần Giá mua dự kiến: từ 550.000 đồng đến 650.000 đồng/Cổ phần Số lượng cổ phần dự kiến mua: 225.000 cổ phần đến 265.000 cổ phần (Cho mục đích: Mở rộng hợp tác phát triển kinh doanh bất động sản, học hỏi kinh nghiệm cũng như đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương- Công ty có tiềm lực trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.)			145.000.000.000
III	Nhận chuyển nhượng bất động sản là quyền sử dụng đất tại Phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (Cho mục đích: mở rộng quỹ đất, đầu tư bất động sản phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty trong những năm tới). Các Thửa đất số: 1684, 1685, 1686, 1687, 1688, 1754 tờ bản đồ số 18, phường Tân Định, thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương. Tổng diện tích: 5.079,1 m <sup>2</sup> Chủ sử dụng đất: Nguyễn Thị Kim Thanh Quan hệ với Công ty: Cổ đông sở hữu 8,067% Vốn điều lệ.			65.870.108.520
<b>Tổng</b>				<b>240.000.000.000</b>

87  
TY  
ÁN  
: S  
ÓN  
P  
BIN



Trong đó:

a) Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

STT	Hạng mục	DVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/DVT)	Tổng giá trị (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	Bờ kê máy nghiền đá 400 tấn/giờ	HT	1	1.057.780.000	1.057.780.000	105.778.000	1.163.558.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.057.780.000</b>	<b>1.057.780.000</b>	<b>105.778.000</b>	<b>1.163.558.000</b>

b) Chi phí thiết bị

STT	Hạng Mục	DVT	Khối lượng	Đơn giá cả thuế (đồng/DVT)	Tổng giá trị (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	<b>Máy khoan và các phụ tùng đi kèm</b>	cái			<b>1.188.386.800</b>	<b>118.838.680</b>	<b>1.307.225.480</b>
	Dàn khoan BMK5 ( 8 dàn)	dàn	8	52.387.500	381.000.000	38.100.000	419.100.000
	Vật tư, thiết bị điện hệ thống khoan BMK5	HT	1	288.625.480	262.386.800	26.238.680	288.625.480
	Máy nén khí Hitachi 100Hp (2 máy)	cái	2	291.500.000	265.000.000	26.500.000	291.500.000
	Máy nén khí Hitachi 100Hp (2 máy)	cái	2	308.000.000	280.000.000	28.000.000	308.000.000
2	<b>Trạm Nghiền sàng đá 400 tấn/giờ và các vật tư, phụ tùng đi kèm</b>	Trạm	1		<b>7.961.045.455</b>	<b>796.104.545</b>	<b>8.757.150.000</b>
	Gia công dây chuyền máy nghiền sàng đá 400 tấn/giờ			4.603.500.000	4.185.000.000	418.500.000	4.603.500.000
	Máy nghiền cone 1680 Japan hiệu: Otsuka (1 cone)			3.630.000.000	3.300.000.000	330.000.000	3.630.000.000
	Cầu hạ cone nghiền 1680 Japan hiệu: Otsuka			5.000.000	4.545.455	454.545	5.000.000
	Chi phí vận chuyển cone nghiền 1680 Japan hiệu: Otsuka			13.200.000	12.000.000	1.200.000	13.200.000
	Chi phí vận chuyển cầu máy nghiền			8.250.000	7.500.000	750.000	8.250.000
	04 motor đã qua sử dụng 220kw 960v/p			455.400.000	414.000.000	41.400.000	455.400.000
	04 buly cho 04 motor			41.800.000	38.000.000	3.800.000	41.800.000
3	<b>Hệ thống cung cấp nước sạch và các vật tư, phụ tùng đi kèm</b>	HT	1	<b>22.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	<b>2.000.000</b>	<b>22.000.000</b>
	Bồn nước tròn 10 khối			22.000.000	20.000.000	2.000.000	22.000.000
4	<b>Máy cày</b>	cái	1	<b>95.000.000</b>	<b>95.000.000</b>		<b>95.000.000</b>
	Máy kéo dùng trong nông nghiệp ISEKI TL3200			95.000.000	95.000.000	-	95.000.000
5	<b>Hệ thống trạm biến áp và vật tư, phụ tùng đi kèm</b>			<b>3.764.958.000</b>	<b>3.422.689.091</b>	<b>342.268.909</b>	<b>3.764.958.000</b>
	Đường dây 22Kv & trạm biến áp 1xIII-3000KVA	HT	1	2.393.996.100	2.176.360.091	217.636.009	2.393.996.100
	Mua cáp điện CV 300-0.6/1kv Cavidri	HT	1	1.370.961.900	1.246.329.000	124.632.900	1.370.961.900
6	<b>Máy móc phục vụ Mỏ</b>			<b>14.020.000.000</b>	<b>12.745.454.546</b>	<b>1.274.545.454</b>	<b>14.020.000.000</b>
	Xe đào bánh xích KOBELCO SK320-6	cái	1	3.300.000.000	3.000.000.000	300.000.000	3.300.000.000
	Búa phá đá Everdigm EHB30 (Hàn Quốc)	cái	1	540.000.000	490.909.091	49.090.909	540.000.000

Máy đào bánh xích HITACHI ZAXIS 460LCH	cái	1	2.100.000.000	1.909.090.909	190.909.091	2.100.000.000
Xe đào bánh xích KOBELCO SK320	cái	1	3.100.000.000	2.818.181.818	281.818.182	3.100.000.000
Xe đào bánh xích KOBELCO SK 480	cái	1	3.800.000.000	3.454.545.455	345.454.545	3.800.000.000
Máy đào bánh lốp KOMATSU PW130-7K	cái	1	1.180.000.000	1.072.727.273	107.272.727	1.180.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>27.966.333.480</b>	<b>25.432.575.891</b>	<b>2.533.757.589</b>	<b>27.966.333.480</b>

(\*) Toàn bộ khoản đầu tư máy móc thiết bị và xây dựng liên quan đến dự án đầu tư cho Dự án đầu tư mở rộng công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã được Công ty sử dụng từ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán và theo đúng phương án sử dụng vốn đã được thông qua.

**3. Lý do thay đổi (nếu có):** do tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra rất phức tạp tại Việt Nam và trên toàn thế giới đã ảnh hưởng đến tiến độ mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ Dự án đầu tư mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty. Do đó, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của đợt chào bán từ 60 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2020 để đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả đáp ứng nhu cầu vốn hoạt động sản xuất kinh doanh đầu tư tại Công ty trong thời gian tới.

**4. Căn cứ thay đổi:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/09/2021.

**5. Phương án thay đổi được công bố thông tin tại:** <http://becamexbmj.com.vn/#enter/f/enter> vào ngày 28/09/2021.

**CTCP KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN BẢO LONG**



Số: 02/2021/NQ-DHĐCĐ

Bình Dương, ngày 28 tháng 9 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;*

*Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 28/9/2021.*

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Thông qua Tờ trình về việc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2020.**

- Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 94,214%.  
- Không tán thành 0%.  
- Không có ý kiến 0,003%.

**Điều 2. Thông qua Tờ trình về việc thay đổi mục đích chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2021.**

- Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 94,214%.  
- Không tán thành 0%.  
- Không có ý kiến 0,003%.

**Điều 3. Thông qua Tờ trình về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty.**

- Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 94,217%.  
- Không tán thành 0%.  
- Không có ý kiến 0%.

**Điều 4. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua.**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm tiến hành các thủ tục để hoàn thành việc đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.





*Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Cbtt, Website;
- Lưu Vp.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGÔ ANH QUÂN**

